

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31/8/2021.

*“V/v: Tranh chấp ly hôn”*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* **Ông Võ Chắt**

*Các Hội thẩm nhân dân:* **Ông Trịnh Văn Thành và ông Đỗ Văn Kha**

**- Thư ký phiên tòa:** **Bà Đỗ Thị Nga** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa:** **Bà Trần Thị Thủy Hằng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 24/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021 về việc *“Tranh chấp ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2021/QĐXX-ST ngày 05 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Văn Y**, sinh năm 1971; Nơi cư trú: tổ 2, khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh B (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: **Bà Nguyễn Thị Như P**, sinh năm 1987; Nơi cư trú: tổ 2, khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh B (có đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Y trình bày:** Tôi và bà P tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Đ, tỉnh B ngày 18/4/2018. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà P không giành thời gian cho gia đình, ở nhà ngoại nhiều hơn ở nhà nên vợ chồng hay gây gổ, cãi vã lẫn nhau, bà P còn hay đập phá đồ đạc trong nhà, chúng tôi đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện với nhau nhưng không được. Nay tôi nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được nữa, cuộc sống chung không thể hàn gắn, tình cảm của tôi đối với bà P không còn nên mong Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà P.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại bản tự khai bà Nguyễn Thị Như P trình bày:** Tôi và ông Nguyễn Văn Y tự nguyện chung sống và kết hôn với nhau vào năm 2018. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống bình thường, do thời gian gần đây tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng hay cãi nhau, hiện nay chúng tôi đã sống ly thân, vì vậy tôi đồng ý ly hôn với ông Y.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:**

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng khác đã tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Y, cho ông Y được ly hôn với bà P.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

*Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:* Xác định đây là vụ án “Ly hôn” do ông Nguyễn Văn Y đứng đơn khởi kiện, bị đơn là bà Nguyễn Thị Như P; cư trú tại tổ 2, khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình P. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B.

*Về việc vắng mặt đương sự:* Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

*Về quan hệ hôn nhân:* Ông Y và bà P đều trình bày là ông, bà tự nguyện chung sống với nhau và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Đ, tỉnh B vào ngày 18/4/2018. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông Y và bà P là hợp pháp.

Theo lời trình bày của ông Y thì sau khi kết hôn ông và bà P chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà P không giành thời gian cho gia đình, ở nhà ngoại nhiều hơn ở nhà nên vợ chồng hay gây gổ, cãi vã lẫn nhau, bà P còn hay đập phá đồ đạc trong nhà, ông, bà đã nhiều lần ngồi lại nói chuyện với nhau nhưng không được. Nay ông nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được nữa, cuộc sống chung không thể hàn gắn, tình cảm của ông đối với bà P không còn nên mong Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà P.

Còn bà P cho rằng sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống bình thường, do thời gian gần đây tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng hay cãi nhau, hiện nay ông bà đã sống ly thân. Nay bà đồng ý ly hôn với ông Y.

Quá trình hòa giải Tòa án đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông Y vẫn giữ nguyên quan điểm và yêu cầu được ly hôn với bà P. Cho thấy tình trạng hôn nhân giữa ông Y và bà P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Y.

*Về con chung, tài sản chung và nợ chung:* Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Ông Y phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35, 36, 39, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Y về việc “*Tranh chấp “Ly hôn”*”.

Tuyên xử:

*Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn Văn Y được ly hôn với bà Nguyễn Thị Như P.

*Về con chung, tài sản chung và nợ chung:* Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Y phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0026014, ngày 14 tháng 01 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng X, tỉnh B.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

**Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Bình Phước.
- VKSND TP Đồng Xoài;
- CC THA DS TP ĐX;
- UBND phường Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Võ Chất**

